

Số: **171** /KH-UBND

Hải Phòng, ngày **16** tháng **7** năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của thành phố.

2. Yêu cầu

- Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Bám sát quan điểm, mục tiêu và nội dung của Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021. Tăng cường sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (TTNT), đưa TTNT trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của thành phố trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, Hải Phòng là một trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng TTNT của cả nước và khu vực, góp phần đưa Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp phát triển, thông minh, hiện đại, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Đưa TTNT trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Hải Phòng

- Hải Phòng thuộc nhóm 5 thành phố dẫn đầu cả nước về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT.

- Xây dựng được 4 - 6 thương hiệu TTNT có uy tín quốc gia.

- Phát triển được 01 trung tâm về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao của thành phố.

b) Hải Phòng trở thành một trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng TTNT của cả nước.

- Hình thành được 01 trung tâm đổi mới sáng tạo về TTNT; gia tăng số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về TTNT và tổng vốn đầu tư vào lĩnh vực TTNT của thành phố.

- Nâng cấp, hình thành mới được 2 - 4 cơ sở nghiên cứu và đào tạo trọng điểm về TTNT.

c) Góp phần xây dựng xã hội sáng tạo, chính quyền hiệu quả, bảo vệ quốc phòng - an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

- TTNT được ứng dụng rộng rãi trong hành chính công, dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian xử lý công việc, nhân lực bộ máy, giảm thời gian chờ đợi và chi phí của người dân.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý hành chính nhà nước trong phân phối, sử dụng nguồn lực xã hội, quản lý xã hội và quản lý đô thị.

- Hoàn thành các mục tiêu cơ bản đến năm 2025 của Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Đưa TTNT trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của thành phố

- Hải Phòng thuộc nhóm 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT.

- Xây dựng được 8 - 10 thương hiệu TTNT có uy tín cấp quốc gia.

- Phát triển được 02 trung tâm về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao của thành phố, kết nối được các hệ thống trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao trong nước, tạo thành mạng lưới chia sẻ năng lực dữ liệu lớn và tính toán phục vụ TTNT.

- Hình thành được 50 bộ dữ liệu mở, liên thông và kết nối trong các ngành kinh tế, lĩnh vực kinh tế - xã hội phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT.

b) Hải Phòng là một trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng CNTT mạnh của cả nước

- Hình thành được 02 trung tâm đổi mới sáng tạo về CNTT của thành phố.
- Xây dựng được đội ngũ nhân lực chất lượng cao làm về CNTT bao gồm đội ngũ các chuyên gia và các kỹ sư triển khai ứng dụng CNTT. Tăng nhanh số lượng các công trình khoa học, đơn đăng ký sáng chế về CNTT của thành phố.
- Có ít nhất 01 đại diện trong bảng xếp hạng nhóm 10 cơ sở nghiên cứu và đào tạo về CNTT dẫn đầu cả nước.

c) Góp phần đẩy mạnh xã hội sáng tạo, chính phủ hiệu quả, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

- Phổ cập được kỹ năng cơ bản về ứng dụng CNTT cho đội ngũ lao động trực tiếp, phục vụ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

- Ứng dụng CNTT phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng an ninh, các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố, dịch bệnh.

- Hoàn thành các mục tiêu cơ bản đến năm 2030 của Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Ứng dụng CNTT góp phần thúc đẩy tăng trưởng một số ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế của thành phố.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tham gia xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hành lang pháp lý liên quan đến CNTT

- Tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo hành lang pháp lý thông thoáng đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT vào cuộc sống.

- Phát triển và ứng dụng CNTT lấy con người và doanh nghiệp làm trung tâm, tránh lạm dụng công nghệ và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Xây dựng hạ tầng dữ liệu và tính toán cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT

- Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở để nghiên cứu, phát triển các ứng dụng CNTT. Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu theo nguyên tắc

✓

các bên cùng có lợi, tạo động lực để chia sẻ, đồng thời bảo đảm được phân quyền truy cập dữ liệu, tránh để lộ, lọt thông tin dữ liệu có tính riêng tư của cá nhân hay tổ chức.

- Tăng cường năng lực thành phố về tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây, tính toán sương mù.

3. Phát triển hệ sinh thái TTNT

- Phát triển nguồn nhân lực: Triển khai phổ cập kỹ năng cơ bản về ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho thanh thiếu niên. Thúc đẩy triển khai các hình thức đào tạo chứng chỉ ngắn hạn và trung hạn về TTNT cho sinh viên thuộc các ngành nghề khác nhau, người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp.

- Xây dựng tổ chức: Thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước xây dựng các trung tâm đào tạo, phát triển và ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu; trung tâm trọng điểm nghiên cứu, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao về TTNT và khoa học dữ liệu tại một số Trường đại học, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố.

- Triển khai nghiên cứu và phát triển: Tập trung đầu tư cho nghiên cứu phát triển một số nền tảng, sản phẩm TTNT cấp thiết và quan trọng phục vụ thị trường trong nước, hướng đến thị trường trong khu vực và toàn cầu. Ứng dụng TTNT để nâng cao hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu, phát triển trong các lĩnh vực khác.

- Hình thành khu công nghệ cao, thu hút đầu tư trong đó ưu tiên thu hút đầu tư phát triển doanh nghiệp TTNT.

4. Thúc đẩy ứng dụng TTNT

- Phát triển doanh nghiệp ứng dụng TTNT: Gia tăng số lượng các doanh nghiệp triển khai, phát triển và ứng dụng TTNT nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước đối với các lĩnh vực đã sẵn sàng về dữ liệu, công nghệ và kinh phí đầu tư. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng phần mềm và ứng dụng mở về TTNT sẵn có.

- Ứng dụng TTNT trong quốc phòng an ninh và các lĩnh vực kinh tế - xã hội: Phát triển một số sản phẩm TTNT đặc thù, từng bước hình thành công nghiệp TTNT; khuyến khích các Sở, ngành, địa phương sử dụng các ứng dụng, dịch vụ TTNT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong phân phối, sử dụng nguồn lực xã hội, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý đô thị.

✓



- Nâng cao nhận thức về TTNT: Nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nghiệp, người dân về dữ liệu và ứng dụng TTNT.

5. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTNT

- Tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương về TTNT. Thúc đẩy phát triển cơ sở, trung tâm hợp tác nghiên cứu TTNT, các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ; khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài về TTNT, các cơ sở, chương trình đào tạo nhân lực TTNT chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và toàn cầu.

- Trao đổi chuyên gia, người làm công tác nghiên cứu, sinh viên của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp TTNT nước ngoài. Tham gia các hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về TTNT. Mời các chuyên gia TTNT nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đến thành phố tham gia tư vấn, nghiên cứu, đào tạo về TTNT.

- Có chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các tập đoàn công nghệ cao đa quốc gia để xây dựng trung tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT vào thành phố.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham gia đề xuất, góp ý việc xây dựng và hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới TTNT.

- Hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu làm chủ, xây dựng các nền tảng nội địa cho tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây, tính toán sương mù; thường xuyên tổ chức các hội thảo, triển lãm và hoạt động kết nối các cộng đồng học thuật, nghiên cứu; cộng đồng nghề nghiệp phát triển và ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ hình thành một số nhóm nghiên cứu trọng điểm về TTNT và khoa học dữ liệu trong một số Trường đại học, Viện nghiên cứu công lập; thúc đẩy xây dựng một số trung tâm đổi mới sáng tạo về TTNT.

- Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về TTNT gắn với đào tạo nghiên cứu sinh; triển khai nghiên cứu, phát triển một số nền tảng cung cấp dịch vụ, sản phẩm TTNT quan trọng như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính, quy trình tự động, các công nghệ TTNT dựa trên dữ liệu, người máy và các phương tiện tự hành, trong một số

lĩnh vực đã sẵn sàng về dữ liệu, công nghệ và có nhu cầu ứng dụng ở trong nước, hướng đến thị trường trong khu vực và toàn cầu.

- Tổ chức các chuỗi sự kiện về TTNT; hỗ trợ các cá nhân, tổ chức tham gia các hội thảo, triển lãm, kỳ thi quốc gia, quốc tế về TTNT; tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương về TTNT; thúc đẩy phát triển cơ sở, trung tâm hợp tác nghiên cứu TTNT; các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp thành phố với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài về TTNT; các trung tâm, chương trình đào tạo nhân lực TTNT chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và toàn cầu; trao đổi chuyên gia, người làm công tác nghiên cứu, sinh viên của tổ chức, doanh nghiệp thành phố với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp TTNT trong nước và nước ngoài.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham gia góp ý với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về giao dịch điện tử, về thiết lập và chia sẻ dữ liệu và về các khung thể chế thử nghiệm.

- Triển khai Dự án chính quyền điện tử thành phố Hải Phòng, trong đó thúc đẩy thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia; tập trung đầu tư công trong hình thành các cơ sở dữ liệu hành chính dùng chung, xây dựng khung chia sẻ dữ liệu tin cậy nhằm thúc đẩy hợp tác chia sẻ dữ liệu giữa các doanh nghiệp, cá nhân thuộc khu vực tư nhân; tích hợp dữ liệu dùng chung, chia sẻ và mở của các Sở, ngành, địa phương lên Cổng Dữ liệu quốc gia.

- Khuyến khích hình thành các tổ chức triển khai đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và quản lý đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và phát triển sản phẩm TTNT trong các tập đoàn, công ty và các đơn vị nghiên cứu; khuyến khích và thúc đẩy xây dựng một số chương trình đào tạo chứng chỉ ngắn hạn và trung hạn về TTNT và khoa học dữ liệu; triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn về tích hợp công nghệ TTNT và khoa học dữ liệu vào các thiết bị của bên thứ ba.

- Hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp cung cấp giải pháp tích hợp dựa trên công nghệ TTNT, khoa học dữ liệu kết hợp với công nghệ blockchain, điện toán đám mây và Internet vạn vật; xây dựng cơ chế ưu đãi, triển khai công nghệ TTNT, khoa học dữ liệu thúc đẩy chuyển đổi số; xây dựng và cung cấp hạ tầng kỹ thuật, cung ứng dịch vụ TTNT, khoa học dữ liệu thúc đẩy chuyển đổi số, dịch vụ và ứng dụng TTNT hỗ trợ các doanh nghiệp thành phố tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của thị trường toàn cầu, đáp ứng nhu cầu của các thị trường logistics, thương mại điện tử và kinh tế số.

- Hỗ trợ thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực đảm bảo an toàn dữ liệu, an toàn an ninh mạng; quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công; viễn thông; xây dựng chính sách, chương trình khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ thông tin (CNTT) phát triển nền tảng mở về dữ liệu và phần mềm phục vụ xây dựng ứng dụng CNTT; khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ của thành phố tập trung nghiên cứu, làm chủ công nghệ, phát triển sản phẩm CNTT đặc thù của Việt Nam.

- Triển khai các chương trình tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, doanh nghiệp, người dân, thanh thiếu niên và học sinh về dữ liệu và ứng dụng CNTT; đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức về CNTT để các ngành, cấp, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân hiểu rõ vai trò, lợi ích của CNTT, các kỹ năng cơ bản cần thiết để đón nhận, phát triển các ứng dụng CNTT, trong đó quan tâm đến giải pháp nâng cao nhận thức về quản lý thay đổi.

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí thành phố, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống cơ sở tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng trong thông minh hóa, hiện đại hóa trang thiết bị khí tài, trong xây dựng các phương án tác chiến, trong các hệ thống phòng thủ quốc gia, hệ thống phòng, ứng phó và phản ứng nhanh đối với chiến tranh mạng, sinh học, hóa học và các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố, dịch bệnh.

4. Công an thành phố

Triển khai các ứng dụng CNTT trong các hệ thống an ninh quốc gia, hệ thống quản lý xuất nhập cảnh, hệ thống kiểm soát phòng chống tội phạm công nghệ cao, xây dựng các giải pháp kỹ thuật chủ động phòng chống tội phạm sử dụng thành tựu khoa học về CNTT.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai các chương trình đào tạo STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học) cho thanh thiếu niên, học sinh các cấp; triển khai đại trà các chương trình phổ cập kỹ năng xây dựng dữ liệu, ứng dụng CNTT cho

thanh thiếu niên thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động chuyên đề; chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Theo phân cấp quản lý, chỉ đạo các Trường đại học trên địa bàn thành phố đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

- Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục: Đánh giá chuẩn nghề nghiệp dành cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phục vụ công tác bồi dưỡng thường xuyên, xác định các tiêu chí nhằm đạt mục tiêu học tập; cá nhân hóa việc học tập, nâng cao hiệu quả học tập có sự trợ giúp của giáo viên và trợ giảng ảo.

- Tăng cường phổ biến kiến thức chung về CNTT, vai trò của CNTT trong bối cảnh công nghiệp 4.0 trong trường phổ thông qua các hoạt động, chuyên đề trong lĩnh vực chuyển đổi số trong giáo dục.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham gia góp ý việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế đặc thù cho các trung tâm đổi mới sáng tạo để thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về CNTT; chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố việc áp dụng các cơ chế đặc thù cho các trung tâm đổi mới sáng tạo để thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm vào các doanh nghiệp sáng tạo về CNTT đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn thành phố.

7. Sở Tài chính

Thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tài chính. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

8. Sở Công Thương

- Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực công nghiệp nhằm cải tiến, thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm công nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh tế số: dự báo xu hướng nhu cầu, tối đa hóa và tự động hóa đàm phán và thương lượng với nhà cung cấp; tự động hóa nhà xưởng và điều hành quản lý; tối ưu hóa bán hàng, phân loại sản phẩm; xây dựng chiến lược về giá và tối ưu hóa giá, đề xuất cá nhân hóa và đáp ứng nhu cầu hiển thị trang web trong thời gian thực; tự động hóa dịch vụ khách hàng, cá nhân hóa các khuyến nghị, cung cấp hỗ trợ trực tuyến với các trợ lý ảo và chatbot; tự động thanh toán tại cửa hàng và hoàn thiện phân phối.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thúc đẩy và phát triển các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm cải tiến, thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo quy trình sản xuất, xuất xứ minh bạch, cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng.

10. Sở Giao thông vận tải

Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực giao thông, vận tải, logistics, cảng biển: tự động phát hiện định danh phương tiện giao thông, xác định tốc độ và tự động hóa quy trình xử lý tại các trung tâm giám sát điều hành giao thông đường bộ; cải tiến quy trình của trạm giám sát và thu phí giao thông đường bộ gắn với phát hiện và nhận dạng phương tiện giao thông; cung cấp dữ liệu phục vụ tối ưu hóa các hệ thống logistics; cung cấp dịch vụ tự động tìm đường và tư vấn khách hàng trong các mô hình vận tải công nghệ; nghiên cứu, triển khai các giải pháp cảnh báo tình huống nguy hiểm cho người điều khiển phương tiện; hỗ trợ thống kê, đánh giá, phân tích và lập kế hoạch phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng giao thông, xây dựng quy hoạch giao thông vận tải, quản lý điều hành giao thông thông minh.

11. Sở Văn hóa và Thể thao

Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực văn hóa: phát triển công nghiệp văn hóa số; tự động hóa quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa các điểm đến và các di sản văn hóa trên địa bàn thành phố; số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý hiện vật tại Bảo tàng Hải Phòng.

12. Sở Du lịch

Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng TTNT trong dịch vụ tư vấn du lịch thông minh hướng vào người dùng; dự báo xu hướng và cá nhân hóa loại hình du lịch dựa trên phân tích thông tin trên mạng xã hội quan điểm của người dùng, góp phần nâng cao chất lượng quy hoạch và chất lượng dịch vụ du lịch thông minh.

13. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Triển khai tư vấn đào tạo về TTNT và khoa học dữ liệu cho người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh việc ứng dụng TTNT vào hoạt động đào tạo, dạy nghề.

14. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hải Phòng

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai ứng dụng TTNT trong lĩnh vực ngân hàng; phân tích, dự đoán nhu cầu vay vốn, đối tượng vay vốn, hỗ trợ hoạt động cấp tín dụng; phát hiện các hành vi gian lận; cá nhân hóa các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tức thời cho khách hàng thông qua các trợ lý ảo và chatbot.

15. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: dự báo số liệu ngành tài nguyên môi trường, áp dụng TTNT trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra, khảo sát về đất đai và tài nguyên môi trường nhằm cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản về đất đai và tài nguyên môi trường theo thời gian thực; đảm bảo xử lý hiệu quả ô nhiễm môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

16. Sở Y tế

Thúc đẩy và phát triển các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe người dân: hỗ trợ bác sỹ trong phát hiện, chẩn đoán và ra quyết định, theo dõi và chăm sóc sức khỏe bệnh nhân từ xa, cá nhân hóa việc điều trị, nghiên cứu sản xuất và bào chế thuốc.

17. Sở Tư pháp

Tham gia xây dựng và hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về trách nhiệm pháp lý của các đối tượng liên quan tới TTNT.

18. Sở Xây dựng

Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực xây dựng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất về các dữ liệu liên quan đến công tác quản lý quy hoạch và phát triển đô thị.

19. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Đẩy mạnh việc thực hiện Chính quyền điện tử cấp quận, huyện; ứng dụng TTNT trong quản lý hành chính và quản lý xã hội.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn về dữ liệu và ứng dụng TTNT, các kỹ năng cơ bản cần thiết phải chuẩn bị để tiếp nhận, phát triển các ứng dụng TTNT.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước: thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Các Sở, ban, ngành, địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch xây dựng dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các Sở, ngành, địa phương trong các chương trình khác có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm: Làm đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch đến năm 2025 và xác định các nhiệm vụ, đề án ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030.

2. Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành; lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ được giao vào Kế hoạch hoạt động hàng năm của ngành, địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch theo quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Các Viện nghiên cứu, Trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ các nội dung và giải pháp của Kế hoạch xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp của đơn vị để triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP;
- Phòng: VX, NC&KTGS;
- CV: KHCN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Khắc Nam